

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-PT  
Ngày: 26 - 02 - 2025  
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và thực hiện nghĩa vụ về tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Triệu Hữu**

*Các Thẩm phán:* Ông **Cao Văn Lạc**

Ông **Đặng Văn Lộc**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông **Nguyễn Anh Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 tháng 01 năm 2025 và ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 412/2024/QĐ-PT, ngày 11 tháng 12 năm 2024 các quyết định tạm ngừng phiên tòa và thông báo về việc tiếp tục phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số G, đường A, phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: F205, đường A, khóm E, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Trần Hồ N**, Luật sư của Công ty L1 và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh V: có mặt tại phiên tòa ngày 26/02/2025.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Minh L**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số G, đường N, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Trần Thanh D**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương: vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh D:

- Ông **Mai Hoàng T**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Quốc lộ A, xã P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/9/2024): có mặt.

- Ông **Nguyễn Thanh Đ1**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, huyện C, thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/02/2025): có mặt tại phiên tòa ngày 26/02/2025

3.2. **Công ty TNHH T2**. Địa chỉ trụ sở: F205, đường A, khóm E, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm tổng giám đốc: có mặt

3.3. Ông **Lê Đình Cao S**, sinh năm 2007. Địa chỉ: Số A, đường C, khu dân cư T, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh: vắng mặt.

4. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023 cùng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Minh L trình bày:*

Ngày 13/12/2019, ông L vay của ông Đ 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) nhưng chỉ nhận 780.000.000đ (B trăm tám mươi triệu đồng); ngày 31/12/2019, ông L vay của ông Đ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nhưng chỉ nhận 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng) do ông Đ chuyển vào tài khoản của ông L số 070037643228 tại Ngân hàng TMCP S1 (S2), cộng với 400.000.000đ ông L nợ ông Đ theo thỏa thuận tại mục số 4 của văn bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 tại Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh V. Ba khoản nợ này ông Đ khởi kiện yêu cầu ông L trả nên Tòa án nhân dân thành phố V đã thụ lý vụ án dân sự số 63/2021/TLST-DS ngày 06/4/2021 và giải quyết xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 28/2022/QĐST-DS, ngày 21/9/2022 (gọi tắt là Quyết định số 28), ông L phải trả ông Đ tổng cộng

1.762.261.300đ (gồm, nợ gốc 1.289.000.000đ và lãi 473.261.300đ). Sau khi thỏa thuận trả nợ ông Đ theo Quyết định số 28 thì ông D cho ông L biết ông D đã thay ông L trả ông Đ xong số tiền 1.762.261.300đồng, chứng cứ chứng minh ông D trả tiền căn cứ vào:

- Thứ nhất: bảng tính tất cả các khoản công nợ tổng hợp đến ngày 27/5/2021 do ông Đ lập đưa cho ông D và ông Đ ký tên, gồm có 6 khoản nợ trong đó có 1.762.261.300đồng đã được ông D thay ông L trả ông Đ (cụ thể là mục 4 – 500.000.000đ (thực tế chỉ nợ ông Đ 400.000.000đ), mục 5 – 200.000.000đ (thực tế chỉ nợ ông Đ 109.000.000đ), mục 6 – 1.000.000.000đ (thực tế chỉ nợ ông Đ 780.000.000đ. Tổng tiền ông L nợ ông Đ là 1.289.000.000đ nhưng do ông Đ yêu cầu ông D ghi đủ số tiền ông L đã mượn là 1.700.000.000đ theo bảng tính tất cả các khoản công nợ tổng hợp đến ngày 27/5/2021, nên có sự chênh lệch so với số tiền 1.762.261.300đồng ghi trong Quyết định số 28. Bên dưới Bảng tính tất cả các khoản công nợ tổng hợp đến ngày 27/5/2021 ông Trần Thanh D có viết thêm dòng chữ “đã thanh toán cho ông Đ” và ký tên ghi họ tên Trần Thanh D vào, bản chính hiện nay ông không biết ai giữ;

- Thứ hai: danh sách chuyển tiền từ ông D chuyển đến tài khoản của ông Đ số tài khoản 66630854 tại Ngân hàng TMCP V, Chi nhánh S3, phòng G (V1) 37 lần từ 08/7/2020 đến 10/12/2021, tổng số tiền chuyển là 8.760.134.000đ. Trong 8.760.134.000đ ông D chuyển cho ông Đ, ông D trừ lại số tiền 2.628.174.000đ (tiền ông D mượn của ông Đ 07 lần), trả tiền mua đất cho Đông 1.500.000.000đ; trả tiền mượn của ông Đ mua vật tư xây dựng 687.000.000đ; ông D trả tiền ông L mượn của ông Đ: 1.762.261.300 đồng. Tổng cộng ông D trả ông Đ là: 6.577.435.000đ. Khi ông D chuyển tiền trả tiền cho ông Đ, ông D chỉ ghi chung chung là “Trần Thanh D chuyển khoản, chứ không ghi nội dung chuyển trả nợ thay ông L”. Ngoài ra, không còn chứng cứ nào khác.

Do thời điểm này giữa ông D và ông L có mâu thuẫn không gặp nhau nói chuyện nên ông L không biết ông D đã trả nợ thay ông L. Sau khi hết mâu thuẫn ông D mới cho ông L biết, nên ông L khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả lại ông L 1.762.261.300đ. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đ thì ông L và ông D không đồng ý. Bởi vì ba khoản tiền ông Đ yêu cầu là của ông D chứ không phải của ông Đ. Số tiền 670.000.000đồng trả tiền bình hạ thế là do ông D chuyển tiền trả vào ngày

04/11/2021 – số tiền 663.930.000đ đúng với hóa đơn chứng từ; số tiền 687.000.000đ ông D đã trả ông Đ trong 37 lần chuyển khoản, do chuyển chung nên không nhớ ngày tháng năm chuyển tiền; số tiền 260.000.000đ là tiền của ông D chuyển cho Công ty chứ không phải tiền của ông Đ.

Ông Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 nhưng Công ty không phát sinh quyền lợi hay nghĩa vụ gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông L và yêu cầu phản tố của ông Đ, các nội dung tranh chấp giữa ông L, ông D với ông Đ là cá nhân tranh chấp với nhau, không liên quan đến tài sản của Công ty.

*Tại đơn phản tố ngày 06/11/2023 (BL 48), đơn phản tố sửa đổi bổ sung ngày 29/01/2024 (BL 50), ngày 27/02/2024 (BL 52), bị đơn Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông Đ giữ nguyên yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung, yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh L và ông Trần Thanh D cùng liên đới trả ông Đ nợ gốc 1.617.000.000đồng theo văn bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 tại Phòng C Công an tỉnh V bao gồm:

- Một là “Trả cho ông Đ số tiền 260 triệu đồng tiền ông Đ cho mượn mua vật tư và ông L đã thanh toán (chuyển khoản) cho Công ty P tại Cần Thơ”;
- Hai là “Trả cho ông Đ số tiền 687 triệu đồng tiền ông Đ cho mượn để mua vật tư”;
- Ba là “tiền lắp đặt bình điện hạ thế tại khu đất ấp A, xã M, huyện M 670.000.000đ (sáu trăm bảy mươi triệu đồng)”.
- Yêu cầu ông L và ông D trả lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/08/2022 đến ngày 06/11/2023 là 547 ngày với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 241.360.723 đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.858.360.723đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến khi trả hết nợ cho ông Đ.

Ông Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Nếu ông D cung cấp được hóa đơn chuyển tiền và tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả đủ số tiền 1.762.261.300đồng thay ông L thì ông Đ đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông L, ông Đ yêu cầu Tòa án triệu tập ông D và ông D phải có mặt để giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh D:* ông D ủy quyền cho ông Phạm Minh L đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 06/3/2024 (BL 130), quá trình giải quyết vụ án ông L trình bày: ông D thống nhất toàn bộ ý kiến

trình bày và yêu cầu của ông L. Đến ngày 19/9/2024, ông D ủy quyền cho ông Mai Hoàng T đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/9/2024, ông T không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án sau khi nhận ủy quyền từ ông D đồng thời vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/9/2024, không lý do.

*Công ty TNHH T2 do ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo pháp luật trình bày ý kiến:* số tiền ông Đ yêu cầu phản tố là tiền của cá nhân ông Đ cho ông L và ông D vay chứ không phải tiền của Công ty. Ông Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty xác định Công ty không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, yêu cầu phản tố của ông Đ nên Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024, Bản trình bày ý kiến và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 09/9/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình Cao S trình bày:* ông S không liên quan và không có ý kiến về tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa ông L với ông Đ, ông S không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên tòa xét xử.

*Tại phiên tòa sơ thẩm do nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn. Việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện được bị đơn đồng ý nên thay đổi địa vị tố tụng của đương sự. Bị đơn Nguyễn Văn Đ trở thành nguyên đơn, nguyên đơn Phạm Minh L trở thành bị đơn.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 244, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh L yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ hoàn trả ông Phạm Minh L số tiền 1.762.261.300đồng (một tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm đồng).

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Phạm Minh L và ông Trần Thanh D phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.953.870.000đ (một tỷ chín trăm năm mươi ba triệu

tám trăm bảy mươi nghìn đồng), bao gồm: nợ gốc 1.617.000.000đ, lãi chậm trả 336.870.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 30 tháng 10 năm 2024 và ngày 01 tháng 11 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh D với nội dung:* Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu buộc ông D và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền 1.617.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh D có kháng cáo, do người đại hợp pháp trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì số tiền theo thỏa thuận ngày 26/7/2022 đã được ông D trả xong theo chứng từ ngày 28/5/2020 và ngày 04/11/2021.

Nguyên đơn Nguyễn Văn Đ không có kháng cáo trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh D với lý do văn bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 là hợp pháp, số tiền theo chứng từ ông D cung cấp là không liên quan.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: văn bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 về việc ông D có trách nhiệm liên đới với ông L trả nợ cho ông Đ do các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý chí của các bên trước, trong và sau thời điểm ký kết.

Vấn đề không thống nhất: Người đại diện hợp pháp của ông D trình bày đã trả tiền xong cho ông Đ theo chứng từ ngày 28/5/2020 của ông Trần Thanh T1 (em của ông D) chuyển số tiền 260.000.000 đồng và giấy nộp tiền ngày 04/11/2021 do ông D nộp số tiền 663.930.000 đồng. Ngoài ra, ông D chỉ hỗ trợ cho ông L nhưng nay khó khăn nên không đồng ý trả tiền. Tuy nhiên, ông Đ không thừa nhận mà cho rằng các số tiền theo người đại diện hợp pháp của ông D trình bày là không liên quan thỏa thuận ngày 26/7/2022 và chính ông D cũng đã hưởng lợi từ các thửa đất số tiền 13.000.000.000 đồng nên mới đồng ý trả nợ cùng với ông L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết phần án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh D là hợp lệ nên được xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Thanh D về việc cho rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn Đ nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận thỏa thuận tại văn bản ngày 26/7/2022 về việc ông D và ông L có nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý chí của các bên trước, trong và sau thời điểm ký kết. Ông L và người đại diện hợp pháp của ông D cũng thừa nhận nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ nhưng cho rằng đã trả xong. Tuy nhiên, chứng từ trả tiền là bản photo phiếu báo có ngày 28/5/2020 do ông Trần Thanh T1 là người phát lệnh chuyển số tiền 260.000.000 đồng với nội dung “*Chuyển cho khách hàng tên Công ty TNHH T3*”, trong khi theo Biên bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 lại là nghĩa vụ của ông D, ông L “*Trả cho ông Đ số tiền 260 triệu đồng tiền ông Đ cho mượn mua vật tư và ông L đã thanh toán (chuyển khoản) cho Công ty P tại Cần Thơ*”. Giấy nộp tiền ngày 04/11/2021 do ông D nộp số tiền 663.930.000 đồng cho công ty TNHH T3 với nội dung “*quyết toán công trình đường dây trung thế 22KV TBA400K...*”, trong khi Biên bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 lại là “*Trả cho ông Đ số tiền 670 triệu đồng lắp đặt bình hạ thế tại khu đất ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long*”. Tổng cộng số tiền ông D cho rằng đã trả xong là 923.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hai chứng từ do phía người kháng cáo cung cấp không thỏa các thuộc tính của chứng cứ do không phù hợp về chủ thể, nội dung, số tiền, thời gian trả tiền. Trong khi đó, chính ông D, ông L cũng thừa nhận nghĩa vụ và thời

điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 26/7/2022. Đồng thời, ngoài lời trình bày không được ông Đ thừa nhận, người kháng cáo không có chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền 1.617.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 26/7/2022. Do vậy, kháng cáo của ông D là chưa đủ cơ sở để được chấp nhận. Quan điểm của vị kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định việc tính lãi sau khi xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp quy định của pháp luật về lãi chậm trả nên điều chỉnh lại thời hạn tính lãi chậm trả là kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án.

[4] Án phí dân sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh L đối với ông Nguyễn Văn Đ và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí do ông L đã nộp và các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 154/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Phạm Minh L và ông Trần Thanh D phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.953.870.000đ (một tỷ chín trăm năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), bao gồm: nợ gốc 1.617.000.000đ, lãi chậm trả 336.870.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự:

### 2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đã được miễn tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

Buộc ông Phạm Minh L và ông Trần Thanh D liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 70.616.000 đồng (bảy mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007384 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, ông D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### ***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Tp.V;
- VKSND Tp. V;
- CCTHADS Tp. V;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lâm Triệu Hữu**

